

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN QUẾ PHONG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012



Tháng 5 năm 2013

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 25

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị:

Ông Nguyễn Minh Cường	Chủ tịch
Ông Đoàn Kim Đồng	Ủy viên
Ông Nguyễn Xuân Nghiêm	Ủy viên
Ông Tăng Văn Chúc	Ủy viên
Ông Tân Tú Hải	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 01/07/2012)
Bà Đặng Thị Tươi	Ủy viên
Ông Hoàng Quốc Vương	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 01/01/2012)
Ông Ngô Thành Phước	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 01/07/2012)
Ông Bùi Lê Quang	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 01/01/2012)

Ban Giám đốc:

Ông Đoàn Kim Đồng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Nghiêm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Văn Trung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Bất Hùng	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

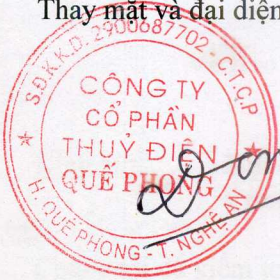
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Đoàn Kim Đồng
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 5 năm 2013



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Address: Room 3203, 32th Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.

Tel: +84.4 222 12 891 Fax: +84.4 222 12 892 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 3330/2013/BCKT-IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được lập ngày 28 tháng 05 năm 2013 của Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong (gọi tắt là "Công ty") từ trang 6 đến trang 25 kèm theo. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 2 và 3, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Hạn chế về phạm vi kiểm toán

- Do chúng tôi được bổ nhiệm làm kiểm toán viên sau ngày 31 tháng 12 năm 2012 nên chúng tôi không thể tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho và tài sản cố định của Công ty vào thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến nhận xét về mặt giá trị và tính hiện hữu của các khoản mục này tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như ảnh hưởng của các khoản mục này tới Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty.
- Việc kiểm toán khoản mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" cũng như khoản mục tài sản cố định được hình thành từ việc Công ty tự đầu tư xây dựng nhưng chưa được kiểm toán quyết toán vốn đầu tư nhằm đưa ý kiến về tình hình tài chính, sự tuân thủ các quy chế về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản theo các thủ tục kiểm toán thông thường mà không nhằm đưa ra ý kiến về giá trị quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành. Việc này chỉ thực hiện khi tiến hành các thủ tục kiểm toán đặc thù áp dụng riêng cho việc quyết toán vốn đầu tư các công trình cơ bản hoàn thành. Vì vậy, chúng tôi không đưa ra ý kiến về giá trị của các công trình xây dựng cơ bản dở dang của Công ty được trình bày trên mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" cũng như tài sản cố định hữu hình là Tổ hợp tài sản Thủy Điện Bản Cốc trị giá 367.049.016.473 đồng, Tổ hợp tài sản Thủy điện Sao Va trị giá 40.580.324.150 đồng và chi phí khấu hao tương ứng của tài sản này trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và các chỉ tiêu có liên quan trên Báo cáo kết quả kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN (TIẾP THEO)

Hạn chế về phạm vi kiểm toán (Tiếp theo)

- Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty chưa thực hiện đối chiếu đầy đủ các khoản công nợ phải thu, trả trước cho người bán, phải trả người bán và tạm ứng. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về khoản công nợ phải thu, phải trả, và tạm ứng chưa được đối chiếu cũng như những ảnh hưởng của của chúng tới Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty.
- Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được lập trên giả định Công ty hoạt động liên tục. Tuy nhiên, tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, tổng công nợ ngắn hạn vượt tổng tài sản ngắn hạn với số tiền là 95.056.161.117 đồng. Điều này dẫn tới việc nghi ngờ về khả năng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trên cơ sở liên tục. Ban Giám đốc Công ty lên phương án xin gia hạn các khoản nợ và vay đến hạn để có thời gian thu xếp trả nợ. Báo cáo tài chính kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể có do ảnh hưởng phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này. Do bản chất của sự việc, chúng tôi không thu thập được các bằng chứng kiểm toán hữu hiệu để đánh giá sự phù hợp của giả định hoạt động liên tục của Công ty. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về vấn đề này và ảnh hưởng của vấn đề này đến quá trình lập Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

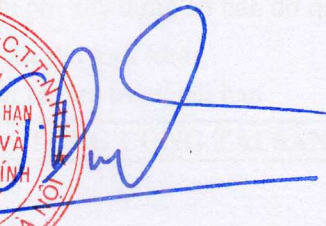
Không thống nhất trong xử lý kế toán

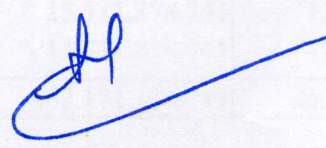
Trong năm 2012 Công ty chưa thực hiện kết chuyển hết chi phí lãi vay để xác định kết quả kinh doanh với giá trị khoảng 15.634.326.241 đồng. Theo đó chi phí tài chính đang bị phản ánh thấp hơn và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh đang phản ánh cao hơn với giá trị tương ứng. Chưa có bút toán điều chỉnh nào liên quan đến vấn đề này.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng (nếu có) của các hạn chế về phạm vi kiểm toán và không thống nhất trong xử lý kế toán nêu trên, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.




Phạm Tiến Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0747/KTV
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài
chính Quốc tế (IFC)
Ngày 28 tháng 05 năm 2013


Nguyễn Huy Hùng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 2335/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		43.719.888.204	37.190.310.982
I. Tiền và khoản tương đương tiền	110		2.640.172.946	718.464.546
1. Tiền	111	V.1	2.640.172.946	718.464.546
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		38.863.017.865	33.636.066.152
1. Phải thu của khách hàng	131		19.539.310.474	13.129.441.049
2. Trả trước cho người bán	132		19.297.853.924	20.480.771.636
3. Các khoản phải thu khác	135		25.853.467	25.853.467
III. Hàng tồn kho	140	V.2	600.000.000	716.494.928
1. Hàng tồn kho	141		600.000.000	716.494.928
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.616.697.393	2.119.285.356
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		280.916.805	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		32.710.285	32.710.285
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.3	1.303.070.303	2.086.575.071
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		408.452.228.545	446.387.943.977
I. Tài sản cố định	220		392.740.349.804	434.307.263.256
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.4	353.775.780.741	397.320.751.747
- Nguyên giá	222		410.334.101.335	429.276.490.808
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(56.558.320.594)	(31.955.739.061)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.5	-	-
- Nguyên giá	228		173.000.000	173.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(173.000.000)	(173.000.000)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.6	38.964.569.063	36.986.511.509
II. Tài sản dài hạn khác	260		15.711.878.741	12.080.680.721
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	15.711.878.741	12.080.680.721
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		452.172.116.749	483.578.254.959

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		302.896.049.321	316.141.151.434
I. Nợ ngắn hạn	310		138.776.049.321	109.854.151.434
1. Vay ngắn hạn	311	V.8	16.801.000.000	19.923.000.000
2. Phải trả người bán	312		47.984.467.477	48.646.897.994
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.9	6.372.732.983	3.066.923.021
4. Phải trả người lao động	315		1.382.456.975	401.880.529
5. Chi phí phải trả	316	V.10	61.574.655.683	32.415.604.658
6. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	4.660.736.203	5.399.845.232
II. Nợ dài hạn	330		164.120.000.000	206.287.000.000
1. Vay và nợ dài hạn	334	V.12	164.120.000.000	206.287.000.000
B. NGUỒN VỐN	400		149.276.067.428	167.437.103.525
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	149.276.067.428	167.437.103.525
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		191.831.000.000	191.831.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(43.066.462.572)	(24.905.426.475)
3. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		511.530.000	511.530.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		452.172.116.749	483.578.254.959



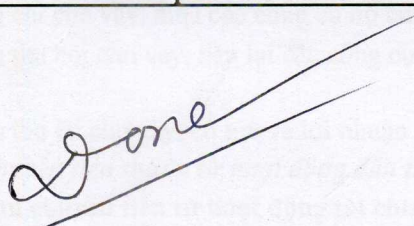
Đoàn Kim Đông
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 05 năm 2013

Trần Thị Thúy
Phó phòng kế toán

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	41.264.643.632	48.005.720.600
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		41.264.643.632	48.005.720.600
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	34.965.899.084	34.534.766.767
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.298.744.548	13.470.953.833
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		41.809.990	173.658.305
7. Chi phí tài chính	22		31.762.595.916	35.360.886.522
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		31.762.595.916	35.360.886.522
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.453.599.714	3.859.484.049
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(28.875.641.092)	(25.575.758.433)
10. Thu nhập khác	31	VI.3	38.317.816.511	4.498.991.032
11. Chi phí khác	32	VI.4	27.603.211.516	1.665.767.723
12. Lợi nhuận khác	40		10.714.604.995	2.833.223.309
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(18.161.036.097)	(22.742.535.124)
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(18.161.036.097)	(22.742.535.124)
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	(947)	(1.208)


Đoàn Kim Đồng
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 5 năm 2013


Trần Thị Thúy
Phó phòng kế toán

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2012	Năm 2011
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	51.731.514.855	53.006.538.860
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(10.378.877.161)	(12.262.074.401)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(3.164.148.000)	(5.249.440.900)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(7.504.808.887)	(19.926.003.501)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	-	603.197.598
6. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(6.237.319.971)	(9.001.741.339)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	24.446.360.836	7.170.476.317
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(865.874.426)	(70.875.727)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	23.588.412.000	-
			(12.579.000.000)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	-	12.579.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	41.809.990	173.658.305
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	22.764.347.564	102.782.578
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	4.500.000.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2.370.000.000	18.600.000.000
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(47.659.000.000)	(33.670.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(45.289.000.000)	(10.570.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	1.921.708.400	(3.296.741.105)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	718.464.546	4.015.205.651
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	2.640.172.946	718.464.546



Đoàn Kim Đông
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 5 năm 2013

Trần Thị Thúy
Phó phòng kế toán

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900687702 ngày 17 tháng 12 năm 2012, đăng ký lần đầu ngày 26 tháng 7 năm 2005 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp.

Vốn điều lệ và vốn pháp định của Công ty lần lượt là 445.000.000.000 đồng và 6.000.000.000 đồng.

Cổ đông sáng lập

Cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ vốn góp	Số tiền góp đến 31/12/2012 VND
Công ty Tài chính Bưu điện	4.151.850	9%	15.536.280.000
Công ty TNHH Tư vấn TK XD và CN Hà Nội	2.790.150	6%	9.400.000.000
Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội	22.330.100	50%	108.731.920.000
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Hạ tầng Việt Nam {i}	4.005.000	9%	-
Công ty TNHH Xây dựng Hoàng Long	3.115.000	7%	6.000.000.000
Công ty CP Lắp máy Điện nước và Xây dựng	4.005.000	9%	20.500.000.000
Tổng cộng	40.397.100	91%	160.168.200.000

{i}: Trong năm 2006, Công ty Cổ phần Xây dựng Lũng Lô II đã nhận lại quyền sở hữu và nghĩa vụ góp vốn của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hạ tầng Việt Nam với phần vốn góp theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 10%.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 87 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2012 là 120 người)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện, chi tiết: Sản xuất, kinh doanh điện năng;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao, chi tiết: Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, chi tiết: Thăm dò, khai thác, chế biến, mua bán khoáng sản;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: chi tiết: Xây dựng các công trình đường dây và trạm biến áp đến 220 KV;
- Sửa chữa thiết bị khác, chi tiết: Sửa chữa, bảo dưỡng các nhà máy thủy điện ;
- Giáo dục nghề nghiệp, chi tiết: Đào tạo công nhân vận hành nhà máy điện;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, chi tiết: Kinh doanh khách sạn, du lịch lữ hành;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng, chi tiết: Trồng rừng, chế biến, mua bán lâm sản;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng các công trình thủy điện, dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 tổng công nợ ngắn hạn vượt tổng tài sản ngắn hạn với số tiền là 95.056.161.117 đồng dẫn tới việc nghi ngờ về khả năng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trên cơ sở liên tục. Ban Giám đốc Công ty lên phương án xin gia hạn các khoản nợ, vay đến hạn và lãi vay để có thời gian thu xếp trả nợ. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng một số khoản nợ và vay đến hạn trả sẽ được gia hạn và tình hình nợ sẽ không ảnh hưởng nhiều tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong thời gian tới. Theo đó, Ban Giám đốc Công ty cho rằng báo cáo tài chính kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là hợp lý.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp. Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán máy

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian sử dụng của tài sản cố định ước tính như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	10
Tổ hợp thủy điện Bản Cốc, Sao Va	10 - 25
Phương tiện vận tải	05 - 10
Thiết bị quản lý	03 - 05

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện giá trị phần mềm kế toán và được khấu hao trong thời gian 5 năm

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chủ yếu là chi phí lãi vay Ngân hàng. Công ty chưa thực hiện ghi nhận hết vào Báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ mà đang thực hiện treo lại.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng. (xem chi tiết dưới đây)

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoài trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Theo quy định hiện hành Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 4 năm kể từ năm đầu tiên phát sinh doanh thu và giảm 50% trong 9 năm tiếp theo. Theo đó, năm 2009 là năm đầu tiên Công ty được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MAU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	45.240.050	10.707.529
Tiền gửi ngân hàng	2.594.932.896	707.757.017
Cộng	2.640.172.946	718.464.546

2. Hàng tồn kho

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	-	116.494.928
Chi phí SXKD dở dang	600.000.000	600.000.000
Giá gốc của hàng tồn kho	600.000.000	716.494.928
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần của hàng tồn kho	600.000.000	716.494.928

3. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tạm ứng cho công nhân viên	604.285.727	1.349.608.695
Tài sản thiếu chờ xử lý	698.784.576	736.966.376
Cộng	1.303.070.303	2.086.575.071

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

4. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Tổ hợp thủy điện Bản Cốc, Sao Va	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2012	678.042.909	426.593.911.278	1.556.544.104	447.992.517	429.276.490.808
Mua trong năm		561.133.244		22.181.182	583.314.426
XDCB hoàn thành		1.918.307.010			1.918.307.010
Thanh lý, nhượng bán		21.444.010.909			21.444.010.909
Tại ngày 31/12/2012	678.042.909	407.629.340.623	1.556.544.104	470.173.699	410.334.101.335
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2012	294.967.603	30.773.162.269	612.584.820	275.024.369	31.955.739.061
Khấu hao trong năm	67.804.290	25.836.228.480	184.830.046	73.869.326	26.162.732.142
Thanh lý, nhượng bán		1.560.150.609			1.560.150.609
Tại ngày 31/12/2012	362.771.893	55.049.240.140	797.414.866	348.893.695	56.558.320.594
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2012	383.075.306	395.820.749.009	943.959.284	172.968.148	397.320.751.747
Tại ngày 31/12/2012	315.271.016	352.580.100.483	759.129.238	121.280.004	353.775.780.741

5. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2012	173.000.000	173.000.000
Mua trong năm	-	-
Tại ngày 31/12/2012	173.000.000	173.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2012	173.000.000	173.000.000
Khấu hao trong năm	-	-
Tại ngày 31/12/2012	173.000.000	173.000.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2012	-	-
Tại ngày 31/12/2012	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Công trình Nhà máy Thủy điện Bản Cốc	69.174.501	69.174.501
Công trình Nhà máy Thủy điện Sao Va	843.499.418	2.080.000
Công trình Nhà máy Thủy điện Nhạn Hạc	35.693.649.049	34.587.080.761
Khu điều dưỡng Cửa Lò	1.738.208.981	1.709.391.742
Trụ sở công ty	542.385.081	542.385.081
Công trình mỏ đá Pù Càng	77.652.033	76.399.424
Cộng	38.964.569.063	36.986.511.509

7. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Công cụ dụng cụ chưa phân bổ	77.552.500	
Chi phí lãi vay treo lại	15.634.326.241	12.080.680.721
Cộng	15.711.878.741	12.080.680.721

8. Vay và Nợ ngắn hạn

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay ngắn hạn	12.800.000.000	16.300.000.000
Vay ngắn hạn ngân hàng	-	4.700.000.000
<i>Ngân hàng NNo&PTNT Quế Phong (*)</i>	-	4.700.000.000
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	12.800.000.000	11.600.000.000
<i>Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội</i>	<i>11.000.000.000</i>	<i>11.000.000.000</i>
<i>Vay cá nhân (**)</i>	<i>1.800.000.000</i>	<i>600.000.000</i>
Nợ dài hạn đến hạn trả	4.001.000.000	3.623.000.000
Ngân hàng ĐT&PT Chi nhánh Quang Trung	-	3.623.000.000
Ngân hàng ĐT&PT Chi nhánh Phủ Qùy	4.001.000.000	-
Cộng vay và nợ ngắn hạn	16.801.000.000	19.923.000.000

(*) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 05102012/HDTD ngày 5/10/2012 với ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Quế Phong. Số tiền vay là 4.700.000.000 đồng, mục đích sử dụng tiền vay là để thanh toán cho các đơn vị tham gia thi công xây dựng các nhà máy thủy điện của công ty. Thời hạn cho vay là 12 tháng kể từ ngày nhận tiền vay. Lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 19%/ năm, lãi suất được điều chỉnh khi lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm thay đổi. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0902461 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nghệ An cấp ngày 31/07/2009 với giá trị tài sản đảm bảo là 5.297.700.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

8. Vay và nợ ngắn hạn (Tiếp theo)

(**) Theo hợp đồng vay vốn ký ngày 5/12/2012 giữa công ty Cổ Phần thủy điện Quế Phong và bà Lê Thị Kim. Mục đích vay phục vụ sản xuất và kinh doanh điện năng, thanh toán phí CDM và các chi phí quản lý khác. Thời hạn vay tối đa 12 tháng; Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 13% và sẽ được điều chỉnh 3 tháng 1 lần theo lãi suất tiền vay của ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển- CN Phủ Quỳnh tại thời điểm điều chỉnh. Phương thức trả lãi vay: Định kỳ 3 tháng 1 lần tính từ từ ngày nhận tiền vay đầu tiên

9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	5.664.495.414	2.796.295.913
Thuế thu nhập cá nhân	14.219.011	4.957.911
Thuế tài nguyên	587.402.647	265.669.197
Thuế khác (*)	106.615.911	-
Cộng	6.372.732.983	3.066.923.021

(*) : Là số tiền nộp phạt theo quyết định xử lý vi phạm hành chính pháp luật về thuế số 1651/QĐ-CT ngày 26/9/2012 của cục thuế Tỉnh Nghệ An cho các năm 2009, 2010 và 2011.

10. Chi phí phải trả

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Lãi vay phải trả	58.079.874.303	30.258.996.354
Chi phí phải trả khác	3.494.781.380	2.156.608.304
Cộng	61.574.655.683	32.415.604.658

11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	93.004.632	87.844.732
Bảo hiểm xã hội	273.455.712	170.327.112
Bảo hiểm y tế	13.010.324	18.502.750
Bảo hiểm thất nghiệp	5.433.990	9.517.989
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.275.831.545	5.113.652.649
Cộng	4.660.736.203	5.399.845.232

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

12. Vay và Nợ dài hạn

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung (*)	139.700.000.000	177.000.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phủ Quỳ (**)	24.420.000.000	29.287.000.000
Cộng	164.120.000.000	206.287.000.000

(*) Khoản vay dài hạn được thực hiện dưới hình thức Hợp đồng tín dụng theo hợp đồng số 06.1034329.02/HĐTD ngày 14 tháng 11 năm 2006 từ các Ngân hàng và các tổ chức sau :

Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam
Ngân hàng Indovina - Chi nhánh Hà Nội
Công ty Tài chính bưu điện

Trong đó Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Quang Trung là Ngân hàng đầu mối. Khoản vay này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa là 220.000.000.000 VND. Các khoản vay này sẽ được dùng để thanh toán một phần chi phí đầu tư dự án theo đúng kế hoạch góp vốn và sử dụng vốn Đầu tư dự án. Thời hạn vay theo Hợp đồng này là 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, các công trình dự án và các bất động sản của bên vay liên quan đến dự án Thủy điện và bằng quyền đối với vốn góp của các Cổ đông trong bên vay (cho dù đang có hay sẽ hình thành trong tương lai) theo hợp đồng thế chấp quyền đối với vốn góp trong Công ty Cổ phần thủy điện Quế Phong.

Lãi suất của các khoản bằng tổng của lãi suất tham chiếu và 3,6%/năm. “Lãi suất tham chiếu” có nghĩa là, đối với mỗi kỳ hạn tính lãi, mức bình quân của lãi suất huy động tiết kiệm bằng tiền VND kỳ hạn 12 tháng (trả lãi sau) của tất cả các Bên cho vay, được xác định vào ngày xác định lãi suất tương ứng. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% của lãi suất tương ứng áp dụng tại ngày đến hạn đối với số dư nợ gốc quá hạn đó.

(**) Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và PT Phủ Quỳ theo hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2007/HĐTD-SV ngày 12 tháng 8 năm 2007, số tiền cho vay tối đa là 39.815.000.000 đồng, mục đích vay vốn để thanh toán một phần chi phí đầu tư dự án nhà máy thủy điện Sao Va tại xã Hạnh Dịch, huyện Quế Phong, thời hạn vay 9 năm kể từ ngày nhận món tiền vay đầu tiên, lãi suất áp dụng theo nguyên tắc lãi suất thả nổi trên cơ sở lãi suất xác định bằng giá chuyển vốn nội bộ FTP loại kỳ hạn > 60 tháng đối với VND + 3%/năm tại thời điểm xác định, giá chuyển vốn nội bộ FTP loại kỳ hạn > 60 tháng là lãi suất mua vốn dài hạn mà Ngân hàng phải trả cho Hội sở chính Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

12. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2011	192.331.000.000	511.530.000	(2.162.891.351)	190.679.638.649
Tăng vốn trong năm	4.500.000.000	-	-	4.500.000.000
Lỗ trong năm	-	-	(22.742.535.124)	(22.742.535.124)
Tăng khác				
Giảm khác	(5.000.000.000)			(5.000.000.000)
Tại ngày 01/01/2012	191.831.000.000	511.530.000	(24.905.426.475)	167.437.103.525
Tăng vốn trong năm				
Lỗ trong năm	-		(18.161.036.097)	(18.161.036.097)
Tại ngày 31/12/2012	<u>191.831.000.000</u>	<u>511.530.000</u>	<u>(43.066.462.572)</u>	<u>149.276.067.428</u>

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Công ty Tài chính Bưu điện	15.536.280.000	15.536.280.000
Công ty TNHH Tư vấn TK XD và CN Hà Nội	9.400.000.000	9.400.000.000
Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội	108.731.920.000	108.731.920.000
Công ty CP Xây dựng Lũng Lô II	17.000.000.000	17.000.000.000
Công ty TNHH Xây dựng Hoàng Long	6.000.000.000	6.000.000.000
Công ty CP Lắp máy Điện nước và Xây dựng	20.500.000.000	20.500.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	12.000.000.000	12.000.000.000
Các cổ đông khác	2.662.800.000	2.662.800.000
Cộng	<u>191.831.000.000</u>	<u>191.831.000.000</u>

c. Cổ phiếu

	Năm 2012 Cổ phần	Năm 2011 Cổ phần
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	44.500.000	44.500.000
Số lượng cổ phần đã bán ra	19.183.100	19.683.100
- Cổ phần phổ thông	19.183.100	19.233.100
Số lượng cổ phần đang lưu hành	19.183.100	19.683.100
- Cổ phần phổ thông	19.183.100	19.233.100

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/1 cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Trong đó:		
- Doanh thu bán điện	41.226.461.832	48.005.720.600
- Doanh thu bán nguyên vật liệu	38.181.800	-
Cộng	41.264.643.632	48.005.720.600

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Giá vốn bán điện	34.927.717.284	34.534.766.767
Giá vốn bán nguyên vật liệu	38.181.800	-
Cộng	34.965.899.084	34.534.766.767

3. Thu nhập khác

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Bảo hiểm rủi ro công trình	-	479.907.998
Thu thanh lý tài sản	21.444.010.909	3.000.000
Thu lãi trả chậm của công ty Za Hung	11.042.772.710	-
Thu nhập khác (*)	5.831.032.892	4.016.083.034
Cộng	38.317.816.511	4.498.991.032

(*) Là khoản thu nhập từ việc bán quyền giảm phát thải trong năm 2012 theo công văn số 29/CV – VNEEC ngày 28/02/2012 của công ty Cổ phần Tư vấn Năng lượng và Môi trường.

4. Chi phí khác

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Phạt chậm nộp bảo hiểm	86.612.391	20.921.976
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	19.883.860.300	-
Phạt chậm trả lãi vay ngân hàng	4.427.053.986	-
Chi phí tư vấn bán quyền phát thải	3.081.468.928	1.589.618.350
Phạt theo quyết định của cơ quan thuế	106.615.911	-
Chi phí khác	17.600.000	55.227.397
Cộng	27.603.211.516	1.665.767.723

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÀU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

5. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nguyên liệu vật liệu	116.494.928	101.933.062
Chi phí nhân công	5.184.858.628	6.048.176.715
Chi phí khấu hao tài sản cố định	26.162.732.142	25.587.282.168
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.954.220.106	5.164.479.090
Cộng	37.418.305.804	36.901.871.035

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(18.161.036.097)	(22.742.535.124)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	(18.161.036.097)	(22.742.535.124)
Số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông	19.183.100	18.834.333
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(947)	(1.208)

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ, tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

- Tài sản tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn và các khoản phải thu ngắn hạn khác.

- Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm: các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác và các khoản vay. Mục đích của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV "Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu" tương ứng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ tại ngày	
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền	2.640.172.946	718.464.546
Phải thu khách hàng và phải thu khác	19.565.163.941	13.155.294.516
Cộng	22.205.336.887	13.873.759.062
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ	180.921.000.000	226.210.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	52.645.203.680	54.046.743.226
Chi phí phải trả	61.574.655.683	32.415.604.658
Cộng	295.140.859.363	312.672.347.884

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng).

Phải thu của khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và có nhân viên kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại nhiều ngân hàng. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2012			
Các khoản vay và nợ	16.801.000.000	164.120.000.000	180.921.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	52.645.203.680	-	52.645.203.680
Chi phí phải trả	61.574.655.683	-	61.574.655.683
Tại ngày 01/01/2012			
Các khoản vay và nợ	19.923.000.000	206.287.000.000	226.210.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	54.046.743.226	-	54.046.743.226
Chi phí phải trả	32.415.604.658	-	32.415.604.658

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo


VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc tế.



Đoàn Kim Đồng
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 05 năm 2013



Trần Thị Thúy
Phó phòng kế toán